

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng
năm 2023 của Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐINH BỘ LĨNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1636/QĐ.UBND ngày 15/07/2020 của Ủy ban nhân dân quận 7 về việc tổ chức lại Trường tiểu học Đinh Bộ Lĩnh;

Căn cứ Quyết định số 8479/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 6 tháng năm 2023 (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, viên chức trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính-Kế hoạch quận 7;
- Như điều 3;
- Niêm yết tại bảng tin của trường;
- Lưu: VT.



Tô Thanh Liêm

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ
- Trường tiêu học Đình Bộ Lĩnh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng năm 2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, 9 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-		
I	Số thu phí, lệ phí	-	-		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-		
B	Thu chi hoạt động sự nghiệp, thu hộ chi hộ				
I	Số thu sự nghiệp, thu hộ:	18.145.262.000	8.766.464.674	48%	144%
1	Thu sự nghiệp:	8.690.765.000	4.603.502.058	53%	155%
	- Tổ chức dạy học hai buổi/ngày	89.250.000	120.365	0%	0%
	- Tổ chức phục vụ bán trú	1.768.000.000	971.440.000	55%	159%
	- Vệ sinh bán trú	221.000.000	121.430.000	55%	139%
	- Tiếng Anh tăng cường	433.500.000	366.450.000	85%	135%
	- Tiếng Anh tích hợp	437.400.000	178.200.000	41%	286%
	- Tiếng Anh với Giáo viên nước ngoài	860.625.000	675.892.800	79%	139%
	- Tổ chức học Tin học	335.750.000	161.000.000	48%	162%
	- Giáo dục kỹ năng sống	918.000.000	502.280.000	55%	156%
	- Tiếng Anh Toán, Khoa	2.040.000.000	813.750.000	40%	224%
	- Năng khiếu	918.000.000	598.960.000	65%	351%
	- Thiết bị vật dụng phục vụ học sinh bán trú	195.000.000		0%	0%
	- Lãi ngân hàng	3.000.000	1.304.893	43%	
	- Phở cập bơi	471.240.000	212.674.000		
2	Thu hộ:	9.454.497.000	4.162.962.616	44%	134%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, 9 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Tiền ăn bán trú	7.962.500.000	3.893.610.000	49%	136%
	- Nước uống bán trú	165.750.000	87.908.000	53%	129%
	- Đề kiểm tra	80.400.000	860.000	1%	3%
	- Bảo hiểm y tế học sinh	760.347.000	24.132.116	3%	189%
	- Tiền điện	297.500.000	155.012.500	52%	112%
	- Sổ liên lạc điện tử	126.000.000	1.440.000	1%	
	- Chăm sóc sức khỏe ban đầu (BHYTHS)	50.000.000		0%	
	- Hỗ trợ công tác thu (BHYTHS)	12.000.000		0%	
II	Số chi sự nghiệp, thu hộ:	17.674.022.000	8.900.420.362	50%	156%
1	Chi sự nghiệp:	8.219.525.000	4.538.076.454	55%	171%
	- Tổ chức dạy học hai buổi/ngày	89.250.000	119.185.345	134%	37%
	- Tổ chức phục vụ bán trú	1.768.000.000	966.073.083	55%	165%
	- Vệ sinh bán trú	221.000.000	119.259.852	54%	147%
	- Tiếng Anh tăng cường	433.500.000	363.496.966	84%	161%
	- Tiếng Anh tích hợp	437.400.000	116.200.000	27%	257%
	- Tiếng Anh với Giáo viên nước ngoài	860.625.000	627.344.096	73%	144%
	- Tổ chức học Tin học	335.750.000	129.971.750	39%	186%
	- Giáo dục kỹ năng sống	918.000.000	499.053.000	54%	184%
	- Tiếng Anh Toán, Khoa	2.040.000.000	811.207.762	40%	267%
	- Năng khiếu	918.000.000	572.633.500	62%	
	- Thiết bị vật dụng phục vụ học sinh bán trú	195.000.000		0%	
	- Lãi ngân hàng	3.000.000	977.100	33%	
	- Phở cập bơi	471.240.000	212.674.000		
2	Chi hộ:	9.454.497.000	4.362.343.908	46%	143%
	- Tiền ăn bán trú	7.962.500.000	4.020.940.000	50%	142%
	- Nước uống bán trú	165.750.000	97.658.000	59%	166%
	- Đề kiểm tra	80.400.000	70.668.000	88%	535%
	- Bảo hiểm y tế học sinh	760.347.000	26.732.343	4%	282%
	- Tiền điện	297.500.000	146.345.565	49%	110%
	- Sổ liên lạc điện tử	126.000.000		0%	
	- Chăm sóc sức khỏe ban đầu (BHYTHS)	50.000.000		0%	
	- Hỗ trợ công tác thu (BHYTHS)	12.000.000		0%	
C	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.623.300.000	5.038.724.656	37%	119%
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.623.300.000	5.038.724.656	37%	119%
1	Chi quản lý hành chính	0	0		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0		
3	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	13.623.300.000	5.038.724.656	37%	119%
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0		0%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, 9 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.000.300.000	3.637.204.575	45%	
3.3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (NQ 03)	5.497.000.000	1.401.520.081	25%	156%
3.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (TK 10% chi thường xuyên)	126.000.000		0 0%	

Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Nhất

Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị




Tô Thanh Liêm

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ
- Trường tiểu học Đinh Bộ Lĩnh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng năm 2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, 9 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-		
I	Số thu phí, lệ phí	-	-		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-		
B	Thu chi hoạt động sự nghiệp, thu hộ chi hộ				
I	Số thu sự nghiệp, thu hộ:	18.145.262.000	8.766.464.674	48%	144%
1	Thu sự nghiệp:	8.690.765.000	4.603.502.058	53%	155%
	- Tổ chức dạy học hai buổi/ngày	89.250.000	120.365	0%	0%
	- Tổ chức phục vụ bán trú	1.768.000.000	971.440.000	55%	159%
	- Vệ sinh bán trú	221.000.000	121.430.000	55%	139%
	- Tiếng Anh tăng cường	433.500.000	366.450.000	85%	135%
	- Tiếng Anh tích hợp	437.400.000	178.200.000	41%	286%
	- Tiếng Anh với Giáo viên nước ngoài	860.625.000	675.892.800	79%	139%
	- Tổ chức học Tin học	335.750.000	161.000.000	48%	162%
	- Giáo dục kỹ năng sống	918.000.000	502.280.000	55%	156%
	- Tiếng Anh Toán, Khoa	2.040.000.000	813.750.000	40%	224%
	- Năng khiếu	918.000.000	598.960.000	65%	351%
	- Thiết bị vật dụng phục vụ học sinh bán trú	195.000.000		0%	0%
	- Lãi ngân hàng	3.000.000	1.304.893	43%	
	- Phở cập bơi	471.240.000	212.674.000		
2	Thu hộ:	9.454.497.000	4.162.962.616	44%	134%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, 9 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Tiền ăn bán trú	7.962.500.000	3.893.610.000	49%	136%
	- Nước uống bán trú	165.750.000	87.908.000	53%	129%
	- Đề kiểm tra	80.400.000	860.000	1%	3%
	- Bảo hiểm y tế học sinh	760.347.000	24.132.116	3%	189%
	- Tiền điện	297.500.000	155.012.500	52%	112%
	- Sổ liên lạc điện tử	126.000.000	1.440.000	1%	
	- Chăm sóc sức khỏe ban đầu (BHYTHS)	50.000.000		0%	
	- Hỗ trợ công tác thu (BHYTHS)	12.000.000		0%	
II	Số chi sự nghiệp, thu hộ:	17.674.022.000	8.900.420.362	50%	156%
1	Chi sự nghiệp:	8.219.525.000	4.538.076.454	55%	171%
	- Tổ chức dạy học hai buổi/ngày	89.250.000	119.185.345	134%	37%
	- Tổ chức phục vụ bán trú	1.768.000.000	966.073.083	55%	165%
	- Vệ sinh bán trú	221.000.000	119.259.852	54%	147%
	- Tiếng Anh tăng cường	433.500.000	363.496.966	84%	161%
	- Tiếng Anh tích hợp	437.400.000	116.200.000	27%	257%
	- Tiếng Anh với Giáo viên nước ngoài	860.625.000	627.344.096	73%	144%
	- Tổ chức học Tin học	335.750.000	129.971.750	39%	186%
	- Giáo dục kỹ năng sống	918.000.000	499.053.000	54%	184%
	- Tiếng Anh Toán, Khoa	2.040.000.000	811.207.762	40%	267%
	- Năng khiếu	918.000.000	572.633.500	62%	
	- Thiết bị vật dụng phục vụ học sinh bán trú	195.000.000		0%	
	- Lãi ngân hàng	3.000.000	977.100	33%	
	- Phở cập bơi	471.240.000	212.674.000		
2	Chi hộ:	9.454.497.000	4.362.343.908	46%	143%
	- Tiền ăn bán trú	7.962.500.000	4.020.940.000	50%	142%
	- Nước uống bán trú	165.750.000	97.658.000	59%	166%
	- Đề kiểm tra	80.400.000	70.668.000	88%	535%
	- Bảo hiểm y tế học sinh	760.347.000	26.732.343	4%	282%
	- Tiền điện	297.500.000	146.345.565	49%	110%
	- Sổ liên lạc điện tử	126.000.000		0%	
	- Chăm sóc sức khỏe ban đầu (BHYTHS)	50.000.000		0%	
	- Hỗ trợ công tác thu (BHYTHS)	12.000.000		0%	
C	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.623.300.000	5.038.724.656	37%	119%
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.623.300.000	5.038.724.656	37%	119%
1	Chi quản lý hành chính	0	0		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0		
3	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	13.623.300.000	5.038.724.656	37%	119%
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0		0%

THUYẾT MINH CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
6 THÁNG NĂM 2023

ĐV tính: đồng

MỤC	MÃ NDKT	CHỈ TIÊU NỘI DUNG CHI	TỔNG CỘNG	DỰ TOÁN ĐÃ SỬ DỤNG ĐƯỢC GIAO TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH				Ghi chú
				13.622.072 Tự chủ	14.622.072 CCTL (TK 10% chi thường xuyên)	12.622.072 Không tự chủ	14.622.072 CCTL (NQ 03)	
6000		Tiền lương	1.571.106.669	-		1.571.106.669	-	
	6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt	1.571.106.669			1.571.106.669		
6050		Tiền công	203.328.000	-		203.328.000	-	
	6051	Tiền công	203.328.000			203.328.000		
6100		Phụ cấp lương	1.119.343.392	-		1.119.343.392	-	
	6101	Phụ cấp chức vụ:	31.290.000			31.290.000		
	6105	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ	229.426.268			229.426.268		
	6112	Phụ cấp ưu đãi nhà giáo	605.709.825			605.709.825		
	6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	12.218.000			12.218.000		
	6115	Phụ cấp vượt khung, phụ cấp thâm niên nhà giáo	240.699.299			240.699.299		
6300		Các khoản đóng góp	480.909.643	-		480.909.643	-	
	6301	Bảo hiểm xã hội	347.892.084			347.892.084		
	6302	Bảo hiểm y tế	61.392.724			61.392.724		
	6303	Kinh phí công đoàn	40.928.469			40.928.469		
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	20.464.242			20.464.242		
	6349	Các khoản đóng góp khác	10.232.124			10.232.124		
6400		Các khoản thanh toán cá nhân	1.513.971.881	-		112.451.800	1.401.520.081	
	6449	Chi khác	1.513.971.881			112.451.800	1.401.520.081	
6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	61.407.071	-	-	61.407.071	-	
	6501	Tiền điện	35.916.599			35.916.599		
	6502	Tiền nước	20.540.472			20.540.472		
	6504	Vệ sinh, môi trường	4.950.000			4.950.000		
6550		Vật tư văn phòng	9.490.000	-	-	9.490.000	-	
	6551	Văn phòng phẩm	9.490.000			9.490.000		
6700		Công tác phí	9.000.000	-		9.000.000	-	
	6704	Khoản công tác phí	9.000.000			9.000.000		
6750		Chi phí thuê mướn	24.779.000	-	-	24.779.000	-	

	6754	Thuế thiết bị các loại	2.200.000			2.200.000	
	6799	Chi phí thuê mượn khác	22.579.000			22.579.000	
6900		Chi phí sửa chữa	1.800.000			1.800.000	
	6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	1.800.000			1.800.000	
7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	22.700.000			22.700.000	
	7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	-			-	
	7049	Chi khác	22.700.000			22.700.000	
7750		Chi khác	20.889.000			20.889.000	
	7757	Bảo hiểm cháy nổ	20.889.000			20.889.000	
		CỘNG	5.036.924.656	-	-	3.637.204.575	1.401.520.081

Người lập biên



Nguyễn Ngọc Nhất

Ngày 05 tháng 07 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Tô Thanh Liêm